TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2019
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Cẩm.

2. Ông Đặng Hoàng Mơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **H**, sinh năm 1968;

2. Bị đơn: Ông **V**, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

(Bà H có mặt; ông V vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H trình bày:* Bà và ông H sống chung với nhau từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà có hai người con chung là N, sinh năm 1992 và T, sinh năm 1997. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông V thường xuyên uống rượu rồi về quậy. Trước đây ông V quậy đốt nhà rồi bỏ đi khỏi địa phương, bà cất lại nhà khác, ông V về ở thời gian; năm 2011 ông V đốt nhà thêm lần nữa, rồi bỏ đi và ông bà sống ly thân từ đó đến nay.

Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông V. Chị N và anh T đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu gì. Bà H khai không có tài sản và nợ

chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là bà H đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông V và bà H cưới nhau năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận ông bà là vợ chồng. Ông bà có 02 người con chung nhưng đều đã trưởng thành, có gia đình riêng và ông bà cũng không có tranh chấp gì về tài sản và nợ chung, không ai yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H và ông V không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 1988 bà H và ông V sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà H và ông V. Theo đó, ông V và bà H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng khi ly hôn: Bà H trình bày giữa ông V và bà H có 02 người con chung là N, sinh năm 1992 và T, sinh năm 1997; cả hai đều trưởng thành, lập gia đình sống riêng nên không yêu cầu gì. Không ai yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà H khai không có tài sản và nợ chung, ông V không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Án phí sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, bà H phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa bà H và ông V.

2. Án phí sơ thẩm: Bà H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000149 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận